

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị BTh, sinh năm: 1993 (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Thanh T, sinh năm: 1987 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ: ấp SV, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-3-2020, bản tự khai ngày 02-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị BTh trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Thanh T đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có tiến hành lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThH, huyện Th, tỉnh Bến Tre vào ngày 02-6-2014. Nữ trang ngày cưới có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24K và 01 tấm lắc đeo tay 02 chỉ vàng 24K, quá trình chung sống vợ chồng thống nhất bán hết số vàng này để sử dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc được một năm. Đến khoảng tháng 6 năm 2015 sau khi chị sinh con thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh Trà

thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị vô cớ, đuổi chị đi khỏi nhà, có lúc còn đánh chị, anh còn hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên mua vé số, cờ bạc nhưng tính toán chuyện tiền bạc với chị, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Khoảng năm 2018 chị có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện C để xin ly hôn với anh T và đã được Tòa án thụ lý vụ án. Sau đó, vì chút tình cảm còn lại dành cho nhau và vì con, muốn cho anh T thêm cơ hội sửa đổi, nên chị đã tự nguyện rút đơn hàn gắn lại với anh T. Tuy nhiên cho đến nay việc hàn gắn không kết quả, hôn nhân vẫn không hạnh phúc, anh T vẫn không thay đổi gì. Lần nộp đơn trước chị sống ly thân với anh T khoảng 03 tháng, sau đó hàn gắn không được. Lần này chị sống ly thân với anh T từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Ngô Thanh T có một người con chung tên Ngô Khắc D - sinh ngày 19-3-2015, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả: Chị và anh Ngô Thanh T quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, hiện nay không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị BTh có mặt giữ nguyên các yêu cầu và ý kiến của chị.

** Tại bản tự khai ngày 02-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Thanh T trình bày:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị Huỳnh Thị BTh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng là đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cưới vào năm 2014, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nữ trang ngày cưới có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24K và 01 tấm lắc đeo tay 02 chỉ vàng 24K. Do nữ trang ngày cưới cha mẹ anh đã thống nhất cho vợ nên nay anh không ý kiến gì. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Quá trình sống chung không có mâu thuẫn lớn, chỉ cự cãi chuyện nhỏ trong gia đình. Có lúc giữa vợ chồng lời qua tiếng lại anh lỡ dùng tay đánh trúng chân vợ bị bầm nhưng không gây thương tích cho vợ. Cũng có lúc tức giận anh hơi lớn tiếng la mắng vợ và gọi cho mẹ vợ qua rút vợ về, nhưng sau đó thấy sai anh đã chủ động xin lỗi. Vợ chồng chung sống mà chị BTh không quan tâm đến anh, vẫn giữ khoảng cách riêng tư với anh. Không có việc anh đam mê cờ bạc, vé số như chị BTh nói, chỉ là anh có biết chơi mà thôi. Chị BTh giận anh nên bỏ nhà đi và sống ly thân với anh khoảng 02 - 03 tháng nay. Vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn, mà xin đoàn tụ để cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Anh và chị BTh chỉ có 01 con chung tên Ngô Khắc D - sinh ngày 19-3-2015, hiện đang sống chung với chị BTh. Do thời gian sống ly thân chị BTh đem con đi theo chị, không cho anh biết địa chỉ ở đâu, nên anh không thể chăm sóc cho con.

Về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả: Anh xác định không có.

Anh cũng xác định không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, anh Ngô Thanh T có mặt giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị BTh: Cho chị BTh được ly hôn với anh Ngô Thanh T; Giao con chung là Ngô Khắc D - sinh ngày 19-3-2015 cho chị BTh tiếp tục nuôi dưỡng, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, do chị BTh chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét; Về tài sản chung và về nợ chung: Chị BTh, anh T cùng thống nhất xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị BTh và anh Ngô Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThH, huyện Th, tỉnh Bến Tre vào ngày 02-6-2014, nên hôn nhân giữa chị BTh và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh những mâu thuẫn. Theo chị BTh xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị, đuổi chị đi khỏi nhà, có lúc còn đánh chị, ghen tuông vô cớ, thường xuyên mua vé số, cờ bạc, nhưng tính toán tiền bạc với vợ con, chị cố gắng chịu đựng chờ anh T sửa đổi tính tình, nhưng anh vẫn không thay đổi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị đã bỏ nhà chồng đi nhiều lần, cũng sống ly thân với anh T nhiều thời gian và xuyên suốt là từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay chị BTh xác định không còn tình cảm với anh T, nên chị cương quyết ly hôn với anh T. Đối với anh T cho rằng vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong quá trình chung sống, chưa đến mức phải ly hôn, anh xác định vẫn

còn tình cảm với chị BTh, không đồng ý ly hôn, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh khả năng vợ chồng hàn gắn hạnh phúc; Tại các biên bản hòa giải và đối chất tại Tòa án, anh xác nhận quá trình chung sống những lúc vợ chồng cự cãi không kiềm chế được anh có lớn tiếng la mắng, có đuổi chị BTh đi và có lần còn đánh chị BTh.

[2] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Chị BTh, anh T xác lập hôn nhân vào năm 2014, vợ chồng có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc. Đáng lẽ ra trong quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, về phương hướng xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm lo phát triển kinh tế,... chị BTh, anh T phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi mâu thuẫn phát sinh, anh chị không tìm cách tháo gỡ, không tự ý thức cải sửa hoàn thiện bản thân, mà bất đồng ý kiến, có những lời nói không chuẩn mực dẫn đến cự cãi, thậm chí xô xát và chọn cách sống ly thân với nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*”; Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”, nhưng chị BTh, anh T đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không quan tâm, cũng không tích cực liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 02-7-2020 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp SV - xã PT, với người dân sống gần nhà của vợ chồng anh T, chị BTh, tuy không nêu cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung của chị BTh, anh T, nhưng có biết quá trình anh chị này chung sống với nhau thì chị BTh nhiều lần dắt con bỏ đi khỏi nhà chồng, cũng có khi nghe vợ chồng này nói chuyện trong nhà lớn tiếng với nhau và cùng ý kiến Tòa án xem xét giải quyết hôn nhân giữa hai anh chị này theo quy định pháp luật.

[5] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 17-6-2020, 02-7-2020 để chị BTh, anh T có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng vẫn không thỏa thuận được.

[6] Theo Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ của Tòa án đến tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của anh là có cơ sở và hợp pháp về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị BTh

chưa đến mức ly hôn, anh cũng không đưa ra được phương hướng đoàn tụ hạnh phúc với chị BTh.

[7] Vào năm 2019, chị BTh có đơn khởi kiện ly hôn với anh T, được Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân - gia đình ngày 25-3-2019. Quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ thành, chị BTh tự nguyện rút đơn khởi kiện để tạo thêm cơ hội hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh T và được Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ngày 25-4-2019. Tuy nhiên, thời gian từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay đã hơn một năm, nhưng cuộc sống chung giữa chị BTh, anh T vẫn không hạnh phúc, việc hàn gắn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, dẫn đến việc chị BTh tiếp tục khởi kiện ra Tòa yêu cầu ly hôn với anh T.

[8] Từ đó, có cơ sở xác định giữa chị BTh, anh T đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Việc anh T trình bày giữa anh và chị BTh còn có khả năng hàn gắn hạnh phúc là không có căn cứ.

[9] Tại phiên tòa, chị BTh xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho chị BTh được ly hôn với anh T.

[10] *Về con chung*: Chị BTh và anh T có một người con chung tên Ngô Khắc D - sinh ngày 19-3-2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị BTh và anh T đều thống nhất xác định thời gian anh chị sống ly thân thì cháu D do chị BTh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 02-7-2020, anh T có ý kiến trường hợp có căn cứ giải quyết ly hôn thì con chung anh đồng ý để chị BTh tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng anh phải được tới lui thăm rước, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh xin được quyền nuôi con nếu có căn cứ giải quyết anh và chị BTh ly hôn. Nhưng anh xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc nuôi tốt con chung, thậm chí anh trình bày con chung hiện nay gặp anh còn không nhớ và xa lạ với anh; do điều kiện công việc thường xuyên vắng nhà nếu anh được quyền nuôi con anh sẽ gửi con nhờ người thân chăm sóc hộ. Xét thấy cháu Ngô Khắc D hiện còn nhỏ (mới hơn 05 tuổi), thời gian sống gần mẹ (là chị BTh) đã quen. Khi chị BTh sống ly thân với anh T thì chị vẫn cố gắng chăm sóc chu toàn cho con trẻ. Nên cần giao cháu D cho chị BTh tiếp tục nuôi dưỡng nhằm đảm bảo phát triển thể chất cũng như tinh thần bình thường của đứa trẻ và phù hợp với quy định của pháp luật; Tránh việc thay đổi môi trường sống phần nào ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ nếu giao con chung lại cho anh T nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị BTh vẫn xác định chưa đặt ra yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị BTh và anh T thống nhất xác định thời gian chung sống không tạo lập tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[12] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị BTh và anh T thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[13] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị BTh có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị BTh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị BTh được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Khắc D - sinh ngày 19-3-2015 cho chị Huỳnh Thị BTh tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị BTh và anh Ngô Thanh T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị BTh và anh Ngô Thanh T thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị BTh và anh Ngô Thanh T thống nhất xác định không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị BTh phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0008515 ngày 25-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ThH, huyện Th, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo